

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

Án số:143/2017/HSST

Ngày 18 tháng 9 năm 2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Nguyễn Thanh Hải

2.Ông Đặng Xuân Hậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh - Kiểm sát viên sơ cấp

Hôm nay, ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở nhà văn hóa xã Đ, thành phố T, tỉnh T, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm lưu động, công khai vụ án hình sự thụ lý số 146/2017/HSST ngày 25 tháng 8 năm 2017, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2017/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2017, đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc T - sinh ngày 02/12/1989 tại T; Nơi cư trú: thôn 09, xã V, huyện V, tỉnh T; Nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: lớp12/12; Con ông Nguyễn Ngọc Q và bà Phạm Thị L; Bị cáo có một con sinh năm 2014; *Tiền án:* Bản án số 43/2015/HSST ngày 29/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh T xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 10/4/2015. Bị cáo

chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/01/2016, đã thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm; *Tiền sự*: Không; Bị tạm giữ từ ngày 20/6/2017 đến ngày 23/6/2017 chuyển tạm giam cho đến nay . Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

(Bị cáo trích xuất, có mặt.)

Người làm chứng:

- Ông Tô Minh T, sinh năm 1958; Trú tại s ố nhà 499, tổ 09, phường T, thành phố T, tỉnh T *(Vắng mặt)*

- Ông Trần Văn T, sinh năm 1955; Trú tại số nhà 12, tổ 06, phường T, thành phố T, tỉnh T *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa , nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 20/6/2017, Nguyễn Ngọc T đi xe ôm từ nhà đến khu vực đường T thuộc tổ 28, phường T, thành phố T, tỉnh T với mục đích mua ma túy sử dụng cho bản thân. Tại đây, T gặp và mua của một người đàn ông khoảng 50 tuổi không quen biết 01 gói ma túy với giá 100.000 đồng. T nhận cầm trong lòng bàn tay trái rồi đi tìm nơi sử dụng. Khi đi đến khu vực tổ 29, phường T, thành phố T, tỉnh T thì bị tổ công tác của công an phường T, thành phố T, tỉnh T yêu cầu dừng lại kiểm tra. Trước sự chứng kiến của người làm chứng là ông Tô Minh T, sinh năm 1958; trú tại s ố nhà 499, tổ 09, phường T, thành phố T, tỉnh T và ông Trần Văn T, sinh năm 1955; trú tại số nhà 12, tổ 06, phường T, thành phố T, tỉnh T. T tự giác đưa từ lòng bàn tay trái ra giao nộp cho tổ công tác 01 gói nhỏ bên ngoài được gói bằng giấy trắng kim loại màu trắng, bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục, T khai nhận đó là hêrôin mua để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác đã tiến hành niêm phong gói ma túy sau đó mời người làm chứng và yêu cầu T về trụ sở công an phường T, thành phố T, tỉnh T lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng.

Tại bản Kết luận giám định số 258/KLGD - PC54 ngày 20/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Mẫu gửi giám định của Nguyễn Ngọc T là ma túy, loại hêrôin, có trọng lượng 0,3234 gam (*không thấy ba nghìn hai trăm ba mươi bốn gam*).

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, Nguyễn Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 153/KSĐT ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Nguyễn Ngọc T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Căn cứ vào những chính sách có lợi cho bị cáo do thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo mức án tù từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 20/6/2017.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo trình bày ý lời nói sau cùng, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo,

người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi , quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng , người tiến hành tố tụng . Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng , người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay như đã khai trước cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng là ông Tô Minh T(bút lục số 48 – 49), ông Trần Văn T (bút lục số 50 - 51) được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang (bút lục số 03- 06); Biên bản niêm phong vật chứng (bút lục số 20); Bản kết luận giám định số 258 ngày 20/6/2017 (bút lục số 23), cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đã có đủ cơ sở kết luận: khoảng 07 giờ ngày 20/6/2017, tại khu vực đường T, thuộc tổ 29, phường T, TP Thái Bình, Nguyễn Ngọc T bị bắt quả tang tàng trữ trái phép 0,3234 gam Hêrôin mục đích để sử dụng cho bản thân

Bị cáo là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình.

Hành vi của Nguyễn Ngọc T là nguy hiểm cho xã hội , đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất gây nghiện. Ma túy là vật cấm lưu hành, bởi tác hại của nó khi sử dụng không những làm sa sút về sức khỏe trí tuệ mà còn hủy hoại đạo đức nhân cách con người, là tác nhân lan truyền đại dịch HIV/AIDS, là nguồn gốc phát sinh các loại tội phạm khác gây ảnh hưởng đến trật tự trị an.

Bị cáo tuy nhận thức được tác hại của ma túy và hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn thực hiện . Theo bản kết luận giám định số 258 ngày 20/6/2017, gói ma túy thu của Nguyễn Ngọc T là hêrôin, có trọng lượng 0,3234 gam.

Như vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy.

Bị cáo có một tiền án về tội trộm cắp tài sản mới chấp hành xong hình phạt chưa được xóa án tích lại phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; .

Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

a).....

c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;...”

Theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm là cao hơn so với mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ vào những quy định có lợi cho bị cáo do thay đổi chính sách pháp luật Hình sự của Nhà nước theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015; Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, HĐXX xét thấy cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, khi Quyết định hình phạt HĐXX có xem xét cân nhắc giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật để bị cáo yên tâm cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo là người nghiện ma túy, có hành vi tàng trữ ma túy với mục đích sử dụng, vì vậy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Số ma túy thu giữ của bị cáo là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều khai đã mua ma túy của một người đàn ông khoảng 50 tuổi, không quen biết ở khu vực đường T, thuộc tổ 28, phường T, thành phố T. Qua điều tra, không xác định được cụ thể người bán ma túy cho bị cáo nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 02(hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 20/6/2017.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 0,3072 gam êrôin cùng bao gói niêm phong số 258/KLGĐ hoàn trả sau giám định (*đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/8/2017*)

4. Về án phí : Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 18/9/2017.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Công an thành phố Thái Bình;
- Phòng PC81-CAT;
- Trại tạm giam CAT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Hồng Sơn